TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 31 – 7– 2026
Về việc: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Tấn Phước

Ông Phạm Văn Sáu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Tấn Đạt, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 349/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2026/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2026; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 26/5/1988. Căn cước công dân số 079188023627 cấp ngày 25/4/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Địa chỉ: Số F, đường R, khu phố E, phường B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thi Thu H1: Chị Nguyễn Kim T, sinh năm 2002. Căn cước công dân số 096302014044 cấp ngày 29/9/2025 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Địa chỉ: Ấp X, xã P, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Nguyễn Thi Thu H1: Chị Hồ Huỳnh Tố H2, là Luật sư của Công ty L – Chi nhánh H4 thuộc Đoàn luật sư tỉnh C.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Khắc H3, sinh năm 1989. Căn cước công dân số 095089002612 cấp ngày 01/11/2022 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Địa chỉ: Ấp G (nay ấp C), xã V, tỉnh Cà Mau.

Chị H1, chị T và chị H2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh H3 vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 5 năm 2026, Biên bản lấy lời khai ngày 19 tháng 6 năm 2025, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Khắc H3 tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Ngày 01/8/2014, chị H và anh H3 kết hôn trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường G1, Quận H, thành phố Hồ Chí Minh (cũ) theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 95, quyển số 1/2014 ngày 01/8/2014. Trong quá trình chung sống với nhau, chị H và anh H3 có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 21/11/2014. Do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống nên đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Cuộc sống hôn nhân giữa chị H và anh H3 không thể tiếp tục nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Khắc H3.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 21/11/2014. Hiện nay, cháu M đang sống cùng với chị H. Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M.

Về cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu anh H3 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Khắc H3: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập anh H3 đến Tòa án làm việc, nhưng anh H3 không thực hiện việc gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án cho Tòa án và cũng không đến Tòa án làm việc nên không thể ghi nhận ý kiến. Mặt khác, Tòa án có đến nhà ghi ý kiến nhưng anh H3 không có ở nhà do đi làm ăn xa (Tòa án lập Biên bản về việc không ghi nhận được ý kiến của anh H3 ngày 04/6/2026 – Bút lục số 28). Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do chị H cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Cà Mau phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H, cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Khắc H3.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Khắc H3 có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 21/11/2014. Hiện nay, cháu M đang sống cùng với chị H nên giao cháu M cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Anh Nguyễn Khắc H3 không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu anh Nguyễn Khắc H3 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu H xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Thu H yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Khắc H3 và hiện nay anh Nguyễn Khắc H3 đang cư trú tại ấp G (nay ấp C), xã V, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ theo yêu cầu của đương sự nêu trên nên quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn".

[1.3] Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H, người đại diện theo ủy quyền của chị H, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Khắc H3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng tại phiên tòa vẫn vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H, thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Khắc H3 tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Ngày 01/8/2014, chị H và anh H3 kết hôn trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường G1, Quận H, thành phố Hồ Chí Minh (cũ) theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 95, quyển số 1/2014 ngày 01/8/2014 nên hôn nhân giữa chị H và anh H3 là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị H yêu cầu được ly hôn với anh H3 với lý do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên chị H và anh H3 đã tự chấm dứt quan hệ chung sống với nhau và sống ly thân với nhau cách nay 08 năm. Trong thời gian sống ly thân, chị H và anh H3 đã dùng nhiều biện pháp để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không có biện pháp gì để giải quyết mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 04/6/2026 (Bút lục số 33), Trưởng ấp G (nay ấp cây G), xã V, tỉnh Cà Mau xác định tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh H3 hiện nay không còn chung sống với nhau do mâu thuẫn.

Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng: "*Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau…*"

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân muốn tồn tại bền vững phải dựa trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng phải biết thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, phát triển. Tuy nhiên, hôn nhân giữa chị H và anh H3 thực tế đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không thể giải quyết, cuộc sống chung giữa chị H và anh H3 đã không còn và không thể duy trì. Điều này cho thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh H3 đã không còn có sự quan tâm, chăm sóc, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh H3, không có nguyện vọng hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Do đó, căn cứ theo Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn với anh H3.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau, chị H và anh H3 có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc M. Ngoài ra, chị H và anh H3 không còn con chung, con nuôi nào khác. Hiện nay, cháu M đang sống cùng với chị H. Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu M.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "*2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".*

Trong vụ án này, chị H và anh H3 không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, cụ thể: Chị H yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu M.

Tại thời điểm giải quyết vụ án, cháu M đã đủ 07 tuổi trở lên và tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu M (Bút lục số 37) có nguyện vọng được sống cùng với chị H và hiện nay cháu M cũng đang sống chung với chị H. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của cháu M, đảm bảo sự phát triển bình thường và không làm xáo trộn môi trường sống của cháu ảnh hưởng đến sự phát triển về tâm sinh lý của cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, tiếp tục giao cháu M cho chị H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là phù hợp.

Anh Nguyễn Khắc H3 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[2.3] Về cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu anh H3 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H; Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình không có giá ngạch là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu. Chị Nguyễn Thị Thu H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006454 ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H. Cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Khắc H3.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu H đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 21/11/2014 nên được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Ngọc M.

Anh Nguyễn Khắc H3 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu anh Nguyễn Khắc H3 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thu H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

6. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình không có giá ngạch là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu. Chị Nguyễn Thị Thu H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006454 ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 7 – Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cà Mau;
- Đương sự;
- Tổ HCTP;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Kiều Anh